

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TNHH KINH DOANH

Căn cứ Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Chúng tôi, những thành viên sáng lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Kinh doanh đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

CHƯƠNG 1
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty và hình thức

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

+ Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CO.,LTD

+ Tên công ty viết tắt: Công ty TNHH

2. Hình thức: Công ty TNHH Kinh doanh là doanh nghiệp được thành lập theo loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, được tổ chức và hoạt động theo Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005.

Điều 2: Trụ sở, địa bàn hoạt động

1. Địa chỉ trụ sở chính của công ty đặt tại: Số
....., phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: Fax:

E-mail: Website:

2. Công ty có quyền lập các chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Tư cách pháp nhân

- Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

- Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty;

- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;

- Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Hội đồng thành viên (HĐTV).

Điều 4: Ngành, nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Nông, lâm, thủy hải sản (sắn, ngô, sản phẩm phụ nông nghiệp, dăm bạch đàn, cá, tôm, mực...
- Máy móc, thiết bị, phụ tùng, phục vụ nông lâm nghiệp.

Công ty có nhiệm vụ tổ chức hoạt động kinh doanh trong phạm vi ngành nghề đã đăng ký và trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước quy định.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

- Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

- Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 2

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 6: Quyền hạn của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư, bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm. Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện chế độ lưu giữ tài liệu theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp.
9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 3

THÀNH VIÊN CÔNG TY – NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 8: Họ tên, địa chỉ của các thành viên sáng lập

S T T	HỌ VÀ TÊN	NƠI ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ	CHỖ Ở HIỆN TẠI	Số CMND/Hộ chiếu, Ngày cấp
1		Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Bàng, thành phố Hải Phòng	02/06/2006 Công an Hải Phòng

2		tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc	Hải, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc	Nơi cấp : Công an Quảng Tây
---	--	-------------------------------	------------------------------------	-----------------------------------

Điều 9: Quyền lợi của thành viên Công ty

1. Tham dự họp HĐQT, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT;
2. Có sổ phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp;
3. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm, sổ biên bản họp HĐQT, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty;
4. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
5. Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;
6. Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ; được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
7. Khiếu nại hoặc khởi kiện Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của thành viên hoặc công ty theo quy định của pháp luật;
8. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng, để thừa kế, tặng cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu trên 25% vốn điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập họp HĐQT để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền. Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu trên 75% vốn điều lệ thì các thành viên thiểu số họp nhau lại đương nhiên có quyền như quy định tại khoản này.
10. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 10: Nghĩa vụ của thành viên

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các điều 43, 44, 45 và 60 của Luật Doanh nghiệp.
2. Tuân thủ Điều lệ công ty.
3. Chấp hành quyết định của HĐQT.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 11: Tuyển dụng lao động

- Công ty ưu tiên sử dụng lao động trong tỉnh, tuyển dụng thông qua hình thức hợp đồng lao động, đảm bảo có đủ cán bộ kỹ thuật chuyên môn theo quy định hiện hành để tổ chức hoạt động kinh doanh.
- Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
- Người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện đúng qui định của Luật lao động.

Điều 12: Tiền lương

Công ty căn cứ vào khả năng lao động, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tính chất công việc mà định mức lương theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

CHƯƠNG 4

VỐN ĐIỀU LỆ - TĂNG GIẢM VỐN - CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- THỪA KẾ - MUA LẠI PHẦN VỐN GÓP VÀ THU HỒI VỐN

Điều 13: Vốn điều lệ

1. Tổng số vốn điều lệ của công ty là: .000.000.000 VND (tương đương .905 đô la Mỹ)

Trong đó : Bằng tiền: .000.000.000 VND

Phần vốn góp, giá trị vốn góp các thành viên như sau:

T T	HỌ VÀ TÊN	Vốn góp (triệu đồng)	Trong đó		Phần vốn góp (%)
			Tiền Việt Nam	Tài sản khác	
1		.000	.000		53,33
2		.000	.000		46,67
	TỔNG CỘNG				100,00

Thời hạn hoàn thành việc góp vốn vào công ty: Ngày 15/5/2012

2. Trường hợp có thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty; thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết.

3. Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:

- a) Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;
- b) Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty;
- c) Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty.

Sau khi số vốn còn lại được góp đủ theo quy định tại khoản này, thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty và công ty phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được công ty cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 14: Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của HĐQT, công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:

- a) Tăng vốn góp của thành viên;
- b) Điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của công ty;
- c) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.

2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc tiếp nhận thêm thành viên phải được sự nhất trí của các thành viên, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Theo quyết định của HĐQT, công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký kinh doanh; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

b) Mua lại phần vốn góp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này;

c) Điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của công ty.

4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải đăng ký việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo quy định.

Điều 15: Chuyển nhượng phần vốn góp

Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 17 của Điều lệ này, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

1. Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện;

2. Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày chào bán.

Điều 16: Mua lại phần vốn góp.

1. Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của HĐQT về các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, HĐQT;
- b) Tổ chức lại công ty;
- c) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định vấn đề quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không thoả thuận được về giá thì công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Nếu công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thành viên đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên.

Điều 17: Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty.

2. Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

3. Phần vốn góp của thành viên được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:

- a) Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;
- b) Người được tặng cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được HĐQT chấp thuận làm thành viên;
- c) Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.

4. Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.

Trường hợp người được tặng cho là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ ba thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của công ty khi được HĐQT chấp thuận.

6. Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai cách sau đây:

a) Trở thành thành viên của công ty nếu được HĐQT chấp thuận;

b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 18: Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

1. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

2. Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các thành viên phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Điều 19: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty có HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc. Khi Công ty có từ mười một thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát.

HĐTV gồm tất cả thành viên tham gia góp vốn điều lệ, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT. HĐQT họp thường kỳ mỗi năm một lần vào quý một, ngoài ra có thể họp bất thường khi thấy cần thiết.

HĐTV bầu một thành viên làm Chủ tịch; Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT là hai năm. Chủ tịch HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HĐTV bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh khác để quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 20: HĐQT có quyền và nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
2. Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
3. Quyết định phương thức đầu tư và dự án đầu tư có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;

4. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác từ cấp trưởng các phòng, ban hoặc tương đương trở lên;
6. Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;
7. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;
8. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
9. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;
10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
11. Quyết định tổ chức lại công ty;
12. Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21: Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp HĐQT hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
3. Triệu tập và chủ trì cuộc họp HĐQT hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
4. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT;
5. Thay mặt HĐQT ký các quyết định của HĐQT;
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22: Triệu tập họp HĐQT

1. HĐQT được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 9 Điều 9 của Điều lệ này, để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền.

Chủ tịch HĐQT chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp HĐQT. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung kiến nghị phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch HĐQT phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp HĐQT nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp HĐQT; trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

1. Thông báo mời họp HĐQT có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên HĐQT. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty và các tài liệu khác phải được gửi đến các thành viên chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày họp.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại khoản 9 Điều 9 của Điều lệ này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp HĐQT; trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan quản lý đầu tư giám sát việc tổ chức và tiến hành họp HĐQT; đồng thời, có quyền nhân danh mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện Chủ tịch HĐQT về việc không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của họ.

3. Yêu cầu triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản, có các nội dung phải đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp HĐQT không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch HĐQT phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với công ty và thành viên có liên quan của công ty. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp HĐQT. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp HĐQT sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 23: Điều kiện họp HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 50% vốn điều lệ.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp HĐQT được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

4. Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.

Điều 24: Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản của công ty.

2. Biên bản họp HĐQT phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;

b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện uỷ quyền của thành viên không dự họp;

c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;

d) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;

e) Các quyết định được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của thành viên, người đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Điều 25: Hình thức họp và thông qua các quyết định của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của HĐQT được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

a) Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận;

b) Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp chấp thuận đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Quyết định của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên đại diện ít nhất 95% vốn điều lệ chấp thuận. Thủ tục thông qua quyết định của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải theo quy định tại Điều 54 Luật Doanh nghiệp.

4. Quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành đối với cả các thành viên vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 26: Giám đốc Công ty

1. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

f) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên HĐQT;

i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Tuyển dụng lao động;

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty.

6. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan quản lý đầu tư. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý đầu tư xoá tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

7. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 34: Tổ tụng, tranh chấp

Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, các nhân khi có tổ tụng, tranh chấp.

Những tranh chấp nội bộ trong quá trình hoạt động của Công ty được giải quyết bằng thương lượng thông qua HĐTV hoặc giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 35: Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG 8 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hiệu lực thi hành

Khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được HĐTV quyết định và phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Điều lệ Công ty TNHH Kinh doanh đã được HĐTV nhất trí thông qua, gồm có 8 chương 36 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2012

CÔNG TY TNHH KINH DOANH

Chữ ký của các thành viên sáng lập

Đại diện theo pháp luật của Công ty